

HOME TENANT INCOME CERTIFICATION

(Use this Form only for HOME Projects without LIHTC funding)

Initial Certification

Recertification

Other

Effective Date: _____

Move-in Date: _____

(MM/DD/YYYY)

PART I - DEVELOPMENT DATA

Property Name: _____

County: _____

Address: _____

Unit Number: _____ # Bedrooms: _____

HH Mbr #	Last Name	First Name & Middle Initial	Relationship to Head of Household	Date of Birth (MM/DD/YYYY)	Last 4 digits of Social Security Number or Alien Reg. No.
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					

PART II GROSS ANNUAL INCOME

HH Mbr #	(A) Employment or Wages	(B) Soc. Security/Pensions	(C) Public Assistance	(D) Other Income
TOTALS	\$	\$	\$	\$

Add totals from (A) through (D), above

Total Income (E) =

\$

PART III. INCOME FROM ASSETS

HH Mbr #	(F) Type of Asset	(G) C/I	(H) Cash Value of Asset	(I) Annual Income from Asset
TOTALS			\$	\$
Enter Column (H) Total If over \$5,000 \$ _____ X _____ % (J)			Current Pass Book Rate: Imputed Income (J) =	\$

Enter the greater of the total of column I, or J: imputed income

Total Income from Assets (K) =

\$

Add (E) + (K)

Total Annual Household Income from all Sources (L) =

\$

HOUSEHOLD CERTIFICATION & SIGNATURES

The information on this form will be used to determine maximum income eligibility. I/we have provided for each person(s) set forth in Part II acceptable verification of current anticipated annual income. I/we agree to notify the landlord immediately upon any member of the household moving out of the unit or any new member moving in. I/we agree to notify the landlord immediately upon any member becoming a full time student.

Under penalties of perjury, I/we certify that the information presented in this Certification is true and accurate to the best of my/our knowledge and belief. The undersigned further understands that providing false representations herein constitutes an act of fraud. False, misleading or incomplete information may result in the termination of the lease agreement.

My signature on this date certifies the accuracy of the income/assets listed above for the effective date of this Tenant Income Certification. (If signed prior to the effective date, it is my responsibility to report any changes in income or household composition in order to enable management to update the certification with accurate information.)

Resident Signature

Signature Date

Resident Signature

Signature Date

Resident Signature

Signature Date

Resident Signature

Signature Date

CHỨNG NHẬN THU NHẬP CỦA NGƯỜI THUÊ NHÀ HOME

(Chỉ sử dụng Biểu mẫu này cho các Dự án HOME không có trợ cấp từ LIHTC)

☐ Chứng nhận ban đầu ☐ Tái chứng nhận ☐ Khác _____

Ngày có hiệu lực: _____

Ngày chuyển vào: _____
(MM/DD/YYYY)

PHẦN I - DỮ LIỆU CỦA DỰ ÁN PHÁT TRIỂN

Tên bất động sản: _____

Quận: _____

Địa chỉ: _____

Số căn hộ: _____ Số Phòng ngủ: _____

Số thành viên trong hộ gia đình	Họ	Tên & Chữ cái đầu tên đệm	Mối quan hệ với Chủ hộ gia đình	Ngày sinh (MM/DD/YYYY)	4 số cuối của Số An sinh xã hội hoặc số Thẻ Xanh
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					

PHẦN II THU NHẬP GỘP HÀNG NĂM

Số thành viên trong hộ gia đình	(A) Việc làm hoặc lương	(B) An sinh Xã hội/Lương hưu	(C) Hỗ trợ công	(D) Thu nhập khác

TỔNG CỘNG	\$	\$	\$	\$
-----------	----	----	----	----

Cộng tổng số từ (A) đến (D) ở trên **Tổng thu nhập (E) =**

\$

PHẦN III. THU NHẬP TỪ TÀI SẢN

Số thành viên trong hộ gia đình	(F) Loại tài sản	(G) C/I	(H) Giá trị tiền mặt của tài sản	(I) Thu nhập hàng năm từ tài sản

TỔNG CỘNG	\$	\$
-----------	----	----

Nhập Cột (H) Số tiết kiệm hiện tại
Tổng cộng Lãi suất:
Nếu trên \$5.000 \$ _____ X _____ % (J)

Thu nhập ước chừng (J) =

\$

Nhập số lớn hơn trong tổng số cột I hoặc J: thu nhập ước tính

Tổng thu nhập từ tài sản (K) =

\$

CỘNG (E) + (K)	Tổng thu nhập hàng năm của hộ gia đình từ mọi nguồn (L) =	\$
----------------	---	----

CHỨNG NHẬN HỘ GIA ĐÌNH VÀ CHỮ KÝ

Thông tin trên mẫu đơn này sẽ được sử dụng để xác định điều kiện thu nhập tối đa. Tôi/chúng tôi đã cấp cho mỗi người được nêu trong Phần II xác minh hợp lệ về thu nhập hàng năm dự kiến hiện tại. Tôi/chúng tôi đồng ý thông báo cho chủ nhà ngay lập tức khi bất kỳ thành viên nào trong hộ gia đình chuyển ra khỏi căn hộ hoặc bất kỳ thành viên mới nào chuyển vào. Tôi/chúng tôi đồng ý thông báo cho chủ nhà ngay lập tức khi bất kỳ thành viên nào trở thành học sinh/sinh viên toàn thời gian.

Tôi/chúng tôi xác nhận rằng thông tin được trình bày trên mẫu này là đúng và chính xác theo hiểu biết tốt nhất của tôi/chúng tôi cũng như sẽ chịu hình phạt nếu có gian dối. Người ký tên bên dưới hiểu rõ rằng việc cung cấp thông tin không chính xác ở đây cấu thành hành vi gian lận. Hậu quả của việc cung cấp thông tin sai lệch, gây hiểu lầm hoặc không đầy đủ là chấm dứt hợp đồng thuê nhà.

Chữ ký của tôi vào ngày này xác nhận tính chính xác của thu nhập/tài sản được liệt kê ở trên cho ngày mà Chứng nhận Thu nhập của Người thuê nhà này có hiệu lực. (Nếu ký trước ngày có hiệu lực, chính tôi là người chịu trách nhiệm báo cáo bất cứ thay đổi nào về thu nhập hoặc thành phần hộ gia đình để ban quản lý có thể cập nhật thông tin chính xác cho chứng nhận.)

Chữ ký cư dân

Ngày ký

Chữ ký cư dân

Ngày ký

Chữ ký cư dân

Ngày ký

Chữ ký cư dân

Ngày ký

PART IV. DETERMINATION OF INCOME ELIGIBILITY

Total Annual Household Income
From all Sources: \$ _____
From item (L) on page 1

Household Meets
Income Restriction at:
_____ % MFI

Required HOME Rent
Restriction:

High HOME
Low HOME
Group Home

Current Income Limit per Family Size: \$ _____

RECERTIFICATION ONLY:

Current 80% MFI Income Limit:
(per family size)

\$ _____

Household Income exceeds 80%
at recertification:
Yes No

Household Income at Move-in: \$ _____

Household Size at Move-in: _____

Current Household Size: _____

PART V. RENT

A) Tenant Paid Rent \$ _____

B) Utility Allowance \$ _____

C) Rent Assistance * \$ _____

TBA PBA Other: _____

D) Any Non-Optional Charges \$ _____

Gross rent for unit: \$ _____

Unit Meets Rent Restriction at:

High HOME

Low HOME

Group Home

1. Add A, B and D if no rental assistance
2. Add A, B, C, and D if there is rental assistance paid to the property based on the household's income. (see NOTE below)

Compare the above figure to the published Low or High HOME maximum rents for the unit.

*HOME maximum published gross rents may be exceeded **only if**:

- rent assistance is project-based;
- household income is less than 50% of AMI; &
- household rent paid = 30% of adjusted income

Maximum Gross Rent Limit for this unit:
(High, Low, or FMR HOME Published Rent) \$ _____

Please check required designation:

Fixed Unit

Floating Unit

SIGNATURE OF OWNER/REPRESENTATIVE

Based on the representations herein and upon the proofs and documentation required to be submitted, the individual(s) named in Part I of this Tenant Income Certification is/are eligible under the provisions of CFR Part 92 (HOME Final Rule), as amended, and other recorded HOME Restrictive Agreements (if applicable), to live in a unit in this Project.

Printed Name of Owner/Representative

Signature of Owner/Representative

Signature Date

NOTE: Calculation of Gross Rent (HOME funds) with rental assistance does add the Utility Allowance. The subsidy payment received by the owner has reduced the tenant's portion of rent by the allowance, but the total amount of rent established for a unit is included in the subsidy payment. There is no additional reduction of rent paid to the owner by the housing authority for utility allowances.

PHẦN IV: XÁC ĐỊNH ĐIỀU KIỆN THU NHẬP			
Tổng thu nhập hàng năm của hộ gia đình Từ mọi nguồn: Từ mục (L) trên trang 1	\$ _____	Hộ gia đình đáp ứng hạn chế thu nhập ở: _____ % MFI Hạn chế tiền thuê nhà HOME bắt buộc: ☐ HOME cao ☐ HOME thấp ☐ Nhóm Home	CHỈ DÀNH CHO TÀI CHỨNG NHẬN: Giới hạn thu nhập MFI hiện tại 80%: (trên mỗi quy mô gia đình) \$ _____ Hộ gia đình có thu nhập vượt mức khi 80% tái chứng nhận: ☐ Có ☐ Không
Giới hạn thu nhập hiện tại theo quy mô gia đình:	\$ _____	Thu nhập hộ gia đình khi chuyển vào: \$ _____ Quy mô hộ gia đình khi chuyển vào: _____ Quy mô hộ gia đình hiện tại: _____	

PHẦN V. TIỀN THUẾ NHÀ			
A) Tiền thuê nhà do Người thuê nhà trả \$ _____ B) Trợ cấp Tiềm ích \$ _____ C) Hỗ trợ thuê nhà * \$ _____ D) Bất cứ khoản phí không thể lựa chọn nào	\$ _____ \$ _____ \$ _____	☐ TBA ☐ PBA ☐ Khác: _____	
Tiền thuê gộp cho căn hộ: 1. Cộng A, B và D nếu không có hỗ trợ tiền thuê nhà 2. Cộng A, B, C và D nếu có hỗ trợ tiền thuê nhà được trả cho bất động sản theo thu nhập của hộ gia đình. (xem LƯU Ý bên dưới)		Căn hộ đáp ứng hạn chế tiền thuê nhà tại: ☐ HOME cao ☐ HOME thấp ☐ Nhóm Home	
*Tiền thuê gộp tối đa được công bố của HOME có thể bị vượt mức chỉ khi: - hỗ trợ tiền thuê nhà được tính theo dự án; - thu nhập hộ gia đình ít hơn 50% AMI; & - tiền thuê hộ gia đình đã trả = 30% thu nhập đã điều chỉnh Giới hạn tiền thuê gộp tối đa cho căn hộ này: (Tiền thuê nhà đã công bố cao, thấp hoặc FMR)		\$ _____ Vui lòng kiểm tra chỉ định bắt buộc: ☐ Căn hộ cố định ☐ Căn hộ không cố định	

CHỮ KÝ CỦA CHỦ SỞ HỮU/NGƯỜI ĐẠI DIỆN

Chương trình HOME English-Vietnamese (Bản sửa đổi 1/2015)
Trang 2 / 2